

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính)

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **74** /TB-STNMT

Trà Vinh, ngày **30** tháng **3** năm 2020

THÔNG BÁO

Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2019

Đơn vị được thông báo: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường
Mã chương: 426

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường và biên bản đối chiếu số liệu quyết toán ngày 20/3/2020 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường;

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đối chiếu số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường như sau:

I. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 628.897.784 đồng.

Trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 622.608.806 đồng, cụ thể:
 - + Quỹ khen thưởng: 75.467.734 đồng
 - + Quỹ phúc lợi: 248.414.625 đồng
 - + Quỹ bổ sung thu nhập: 141.502.001 đồng
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 157.224.446 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 6.288.978 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)

II. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

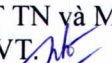
Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định;

Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị lập mẫu biểu quyết toán đúng theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017.

2. Kiến nghị:

- Đơn vị phải thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ kế toán;
- Tổ chức kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 39 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Thực hiện việc mua sắm tài sản, trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ đúng quy trình, thủ tục và thẩm quyền quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ và Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Không để tồn quỹ tiền mặt quá hạn mức quy định. Thu hồi ngay các khoản tạm ứng cho nhân viên cuối năm chưa thu hồi;
- Xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích sản xuất, kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết đầy đủ, đúng quy định;
- Phản ánh, hạch toán, theo dõi quản lý đầy đủ tất cả các nguồn thu vào chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính của đơn vị;
- Tiếp tục theo dõi các khoản phải thu, các khoản phải trả trên báo cáo tài chính đầy đủ;
- Thực hiện nghiêm các kiến nghị của đoàn giám sát, thẩm tra quyết toán, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra tài chính (nếu có).

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TTKT TN và MT;
- Lưu: VT. 

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hùng

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 (kèm theo Thông báo số 74 /TB-STNMT ngày 30/ 3 /2020)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số tiền
A	A	C	1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	
	a. Từ NSNN cấp	2	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4	
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	
	a. Chi phí hoạt động	6	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8	
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	9	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	10	7.219.378.752
2	Chi phí	11	6.433.256.522
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	786.122.230
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	20	
2	Chi phí	21	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác	30	
2	Chi phí khác	31	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	
V	Chi phí thuế TNDN	40	157.224.446
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	628.897.784
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	
2	Phân phối cho các quỹ	52	622.608.806
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	6.288.978

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Bé Ba

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Văn Hùng